

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

---

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TƯ VẤN CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG -**  
**CONINCO**

Hà nội, tháng 10 năm 2014



## MỤC LỤC

|                                                                                                                |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU .....                                                                                              | 3  |
| CHƯƠNG I .....                                                                                                 | 3  |
| ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU LỆ .....                                                            | 3  |
| Điều 1. Các định nghĩa.....                                                                                    | 3  |
| CHƯƠNG II .....                                                                                                | 4  |
| TÊN, ĐỊA CHỈ, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG .....                                                                         | 4  |
| Điều 2. Tên, hình thức, địa chỉ trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty ..... | 4  |
| CHƯƠNG III.....                                                                                                | 5  |
| MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....                                                    | 5  |
| Điều 3. Mục tiêu của Công ty .....                                                                             | 5  |
| Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....                                                      | 7  |
| Điều 5. Các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty .....                                                  | 7  |
| CHƯƠNG IV .....                                                                                                | 7  |
| VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY .....                                                                | 7  |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....                                                            | 7  |
| Điều 7. Cổ phiếu, Sổ đăng ký cổ đông .....                                                                     | 8  |
| Điều 8: Chào bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần, cổ phiếu của Công ty .....                                   | 8  |
| Điều 9. Công ty mua lại cổ phần.....                                                                           | 9  |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần.....                                                                                  | 10 |
| CHƯƠNG V .....                                                                                                 | 10 |
| CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY .....                                                                           | 10 |
| Điều 11. Nguyên tắc tổ chức, quản lý điều hành của Công ty .....                                               | 10 |
| CHƯƠNG VI .....                                                                                                | 11 |
| CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....                                                                          | 11 |
| Điều 12. Cổ đông của Công ty.....                                                                              | 11 |
| Điều 13. Quyền hạn của cổ đông Công ty .....                                                                   | 11 |
| Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty .....                                                                    | 12 |
| Điều 15 Đại hội đồng cổ đông .....                                                                             | 13 |
| Điều 16. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....                                                        | 13 |
| Điều 17. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                               | 14 |
| Điều 18. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....                                          | 15 |
| Điều 19. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....                                                | 15 |
| Điều 20. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông.....                                               | 16 |
| Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....                                                   | 17 |
| Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty .....                                                       | 18 |
| Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....                                              | 18 |
| CHƯƠNG VII .....                                                                                               | 18 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....                                                                                        | 18 |
| Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị .....                                                    | 18 |
| Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....                                                      | 19 |
| Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT .....                                                                      | 20 |
| Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....                                              | 20 |
| Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Quyền hạn và nhiệm vụ .....                                              | 21 |
| Điều 29. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....                                                                      | 22 |
| Điều 30. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.....                                                       | 23 |
| Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....                                                                  | 23 |





|                                                                                     |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----|
| CHƯƠNG VIII.....                                                                    | 23 |
| TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY .....                                       | 23 |
| Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty .....                                       | 23 |
| Điều 33. Tổng Giám đốc.....                                                         | 24 |
| Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....                               | 24 |
| Điều 35. Từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc .....                         | 25 |
| Điều 36. Thư ký Công ty .....                                                       | 25 |
| CHƯƠNG IX .....                                                                     | 26 |
| TRÁCH NHIỆM NGHĨA VỤ CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ .....                                       | 26 |
| Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....             | 26 |
| Điều 38. Trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ .....                                     | 26 |
| Điều 39. Công khai các lợi ích liên quan và nghĩa vụ của người quản lý Công ty..... | 26 |
| CHƯƠNG X.....                                                                       | 26 |
| BAN KIỂM SOÁT .....                                                                 | 26 |
| Điều 40. Ban kiểm soát của Công ty.....                                             | 26 |
| Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.....                                 | 27 |
| CHƯƠNG XI .....                                                                     | 29 |
| HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....                                                | 29 |
| Điều 42. Năm tài chính của Công ty.....                                             | 29 |
| Điều 43. Hệ thống kế toán .....                                                     | 29 |
| Điều 44. Chế độ hạch toán kế toán và tài chính.....                                 | 29 |
| Điều 45. Cô tức, trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận.....                      | 29 |
| Điều 46. Tài khoản ngân hàng của Công ty .....                                      | 30 |
| Điều 47. Báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính .....                    | 30 |
| CHƯƠNG XII .....                                                                    | 31 |
| CON DẤU CÔNG TY, CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU .....                                      | 31 |
| Điều 48. Con dấu Công ty.....                                                       | 31 |
| Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty .....                                  | 31 |
| CHƯƠNG XIII.....                                                                    | 31 |
| TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TRANH CHẤP, TRANH TỤNG .....                        | 31 |
| Điều 50. Tổ chức lại Công ty.....                                                   | 31 |
| Điều 51. Giải thể, phá sản, thanh lý.....                                           | 31 |
| Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....                                          | 32 |
| Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....                                           | 32 |
| CHƯƠNG XIV .....                                                                    | 32 |
| NGÀY HIỆU LỰC.....                                                                  | 32 |
| Điều 54. Ngày hiệu lực .....                                                        | 33 |



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần tư vấn Công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết hợp lệ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường 2014 ngày 09 tháng 10 năm 2014.

Những điều Luật Doanh nghiệp không quy định sẽ được quy định giải thích rõ trong Điều lệ. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các quy chế hoạt động, quy định của Công ty nếu được thông qua một cách hợp lệ theo đúng luật pháp sẽ là những nguyên tắc và quy định ràng buộc cùng với Điều lệ để tiến hành mọi hoạt động quản lý điều hành của Công ty.

## CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Các định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ được hiểu như sau:
  - a. **“Hội đồng quản trị”** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu, có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ;
  - b. **“Địa bàn hoạt động”** có nghĩa là lãnh thổ Việt nam và nước ngoài.
  - c. **“Vốn điều lệ”** có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
  - d. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, và các luật sửa đổi bổ sung của Luật Doanh nghiệp;
  - e. **“Ngày thành lập”** có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
  - f. **“Pháp luật”** là hệ thống các văn bản ứng xử có tính bắt buộc do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận;
  - g. **“Ban điều hành”** bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc;
  - h. **“Người quản lý Công ty”** là thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng;
  - i. **“Những người có liên quan”** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Mục 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp có thể được sửa đổi vào từng thời điểm;
  - j. **“Cổ đông”** có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này;





k. **“Tranh chấp”** nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, khác biệt hoặc kiến nghị phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này.

2. Các tham chiếu trong Điều lệ này tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản pháp lý nào sẽ được hiểu là bao gồm cả những sửa đổi bổ sung của văn bản đó.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi tra cứu và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **CHƯƠNG II TÊN, ĐỊA CHỈ, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**

**Điều 2. Tên, hình thức, địa chỉ trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty :

- Tên tiếng Việt:

**Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO**

- Tên tiếng Anh:

**Consultant and Inspection Joint Stock Company of Construction Technology and Equipment**

- Tên giao dịch:

**CONINCO**

2. Nhân hiệu thương mại :



3. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.



**4. Trụ sở chính :**

Địa chỉ : Số 4 Phố Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội

Điện thoại: 84-4.38523706

FAX: 84-4.35741231

E-mail: [conincohn@coninco.com.vn](mailto:conincohn@coninco.com.vn)

Website: <http://www.coninco.com.vn>

**5. Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ : 34 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, T/p Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-8.9972359

FAX: 84-8.8475610

E-mail: [conincohcm@mail.saigonnet.vn](mailto:conincohcm@mail.saigonnet.vn)

**6. Văn phòng Đại diện tại Đaknông:**

Địa chỉ : Số 78, tổ 1 Phường Nghĩa Tân - Thị trấn Gia Nghĩa - tỉnh Đắk Nông - Việt Nam

**7. Văn phòng Đại diện tại Thành phố Hải Phòng**

Địa chỉ : Số 224- Đường Thành Tô – Phường Tràng Cát – Quận Hải An – TP. Hải Phòng

**8. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.**

**9. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn hoạt động để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.**

**10. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và được gia hạn tiếp đến vô thời hạn.**

### **CHƯƠNG III**

#### **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 3. Mục tiêu của Công ty**

**1. Mục tiêu kinh doanh của Công ty:** Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh.





## 2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của CONINCO là cung cấp trọn gói hoặc từng phần các dịch vụ sau:

- \* Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (bao gồm dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và môi trường);
- \* Khảo sát, thiết kế quy hoạch chi tiết và thiết kế các công trình xây dựng;
- \* Thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, quyết toán các công trình xây dựng;
- \* Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: xây lắp, lắp đặt thiết bị, mua sắm hàng hoá, tuyển chọn tư vấn; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư nước ngoài;
- \* Quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng;
- \* Thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;
- \* Kiểm định chất lượng: Công trình xây dựng, trang thiết bị nội thất cho công trình, máy xây dựng, thiết bị công nghệ, phương tiện vận tải, môi trường, xác định nguyên nhân hư hỏng và lập phương án sửa chữa, đánh giá giá trị còn lại của các sản phẩm trên;
- \* Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng ;
- \* Tổng thầu EPC và tổng thầu xây dựng công trình theo hình thức “Chìa khoá trao tay”;
- \* Thực hiện đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường cụm dân cư;
- \* Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc tác động của môi trường tới chất lượng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị, nông thôn;
- \* Đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xây dựng và vật liệu xây dựng; thiết kế, khám nghiệm sửa chữa phục hồi bảo hành máy xây dựng, thiết bị công nghệ;
- \* Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công nghệ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- \* Tư vấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng công trình xây dựng và Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO cho các tổ chức;
- \* Chứng nhận chất lượng hợp chuẩn cho sản phẩm hàng hóa xây dựng;
- \* Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- \* Kinh doanh bất động sản;
- \* Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- \* Cho thuê máy móc, thiết bị phụ vụ các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng;
- \* Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chế tạo thiết bị dây chuyền công nghiệp;



- \* Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- \* Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- \* Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phụ vụ khách Du lịch; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, quán ăn;
- \* Dịch vụ lưu trú và ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- \* Thăm dò và khai thác mỏ;
- \* Trồng rừng, phát triển cây công nghiệp, cây lâu năm;
- và một số ngành nghề kinh doanh khác trong khuôn khổ pháp luật Việt nam và phù hợp với năng lực của Công ty.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với các quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.
3. Công ty được phép hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

#### **Điều 5. Các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty**

Việc thành lập và hoạt động của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội, đoàn thể của người lao động trong Công ty như tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh... được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động.

### **CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn Điều lệ của Công ty là 22.000.000.000VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng Việt Nam)





2. Được chia thành 2.200.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000VNĐ (Mười nghìn đồng Việt Nam).
3. Cổ phần của Công ty phát hành tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Vốn điều lệ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh, không đem chia cho các cổ đông trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi Công ty giải thể hoặc phá sản.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu, Sổ đăng ký cổ đông**

1. Chứng nhận cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Mọi cổ đông đều được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần sở hữu.
2. Sau khi cổ đông thanh toán đầy đủ cho số cổ phần đăng ký mua, Công ty sẽ cấp chứng nhận cổ phiếu xác nhận số cổ phần cổ đông nắm giữ. Mọi chứng nhận cổ phiếu Công ty phát hành có nội dung đầy đủ được quy định trong Khoản 1 Điều 85 Luật doanh nghiệp. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu khác, thủ tục yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 85 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông phải trả chi phí cấp lại do Công ty quy định.
3. Các cổ đông sau khi nộp hết tiền mua cổ phần sẽ được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.
4. Sổ đăng ký cổ đông Công ty có nội dung được quy định trong Khoản 2 Điều 86 Luật Doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông được xây dựng bằng văn bản và theo tập dữ liệu điện tử và được lưu trữ tại trụ sở Công ty.

#### **Điều 8: Chào bán, chuyển nhượng cổ phần**

1. Chào bán cổ phần của Công ty
  - a. Đối với Cổ phần được quyền chào bán: Hội đồng quản trị sẽ quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán của cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán của Công ty theo quy định tại Điều 87 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản





trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá;

c. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó người mua trở thành cổ đông của Công ty;

d. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phát hành chứng nhận cổ phiếu và trao cho người mua.

**2. Chuyển nhượng cổ phần của Công ty**

a. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác;

b. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

**3. Cổ phần của Công ty mua bằng tiền Việt Nam.** Đối với các trường hợp thanh toán khác do Hội đồng quản trị quyết định.

**Điều 9. Công ty mua lại cổ phần**

**1.** Công ty có thể mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần đã bán ra theo quy định sau:

a. Việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán ra của mỗi loại trong mỗi 12 tháng do Hội đồng quản trị quyết định. Trong trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b. Hội đồng quản trị sẽ quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại;

c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Khi quyết định mua lại cổ phần Công ty sẽ công bố công khai hoặc thông báo đến cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định đó. Thông báo sẽ ghi rõ tổng số cổ phần sẽ được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông có yêu cầu sẽ gửi thông báo trả lời trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo.

**2. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành theo yêu cầu của cổ đông.**

a. Khi cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản và gửi tới địa chỉ trụ sở chính của Công ty. Văn bản yêu cầu phải ghi rõ tên tuổi, địa chỉ của





cổ đông, số lượng cổ phần bán, giá dự định bán, và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói trên;

b. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Mục a Khoản 2 Điều này trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Hội đồng quản trị sẽ mua lại cổ phần theo giá thị trường hoặc được định giá theo quy định của Công ty. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá hoặc cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại, thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần thì Hội đồng quản trị sẽ gửi thông báo cho cổ đông đó sau 30 ngày kể từ ngày quá hạn để yêu cầu thanh toán số tiền cùng với lãi suất được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán gây ra cho Công ty. Thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo. Văn bản sẽ ghi tổng số tiền phải thanh toán, địa điểm thanh toán và điều kiện thanh toán. Nếu cổ đông vẫn không đáp ứng đúng yêu cầu được thông báo thì số cổ phần chưa thanh toán đó sẽ bị thu hồi.

2. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó, mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ theo quyết định của Hội đồng quản trị tính từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán.

## **CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY**

### **Điều 11. Nguyên tắc tổ chức, quản lý điều hành của Công ty**

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Điều lệ này, trên cơ sở các nguyên tắc sau:



1. Tự nguyện, cùng có lợi, dân chủ và tuân thủ pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban Kiểm soát để kiểm soát việc quản lý điều hành Công ty theo quy định của Điều lệ này.
5. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

## **CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Cổ đông của Công ty**

Cổ đông của Công ty là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu hợp pháp một hay nhiều cổ phần của Công ty và được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

### **Điều 13. Quyền hạn của cổ đông Công ty**

1. Được quyền hay uỷ quyền tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết.
2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Được tự do chuyển nhượng, thừa kế cổ phần theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.
4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán, tương ứng với tỷ lệ cổ phần hiện tại đang nắm giữ khi Công ty tăng vốn điều lệ.
5. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.





6. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này.

7. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phát hành trong thời hạn liên tục 6 tháng trở lên có quyền:

- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều lệ này;
- c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi có bằng chứng về những sai phạm trong quản lý điều hành;
- d. Được nhận bản sao trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Có các quyền khác theo quy định tại Điều 79 của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.

#### **Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty**

1. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Cổ đông Công ty có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Cổ đông Công ty chấp hành quyết định và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;



- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

### **Điều 15 Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết.
  - 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ sau đây:
    - a. Quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán;
    - b. Quyết định mức cổ tức hàng năm khi Hội đồng quản trị đưa ra;
    - c. Quyết định việc tổ chức lại và giải thể Công ty;
    - d. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán, quy định tại Điều lệ này;
    - e. Quyết định mua lại đến 30% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
    - f. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
    - g. Quyết định việc bán và niêm yết cổ phiếu Công ty trên thị trường chứng khoán;
    - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
    - i. Xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
    - j. Thông qua báo cáo tài chính năm của Công ty;
    - k. Thông qua định hướng phát triển của Công ty do Hội đồng quản trị đề nghị;
    - l. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Cổ đông là tổ chức có quyền và nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 96 của Luật Doanh nghiệp

### **Điều 16. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần hoặc họp bất thường theo thủ tục quy định tại Điều lệ này. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường tại Trụ sở Công ty hoặc một nơi nào thích hợp trên lãnh thổ Việt Nam do người triệu tập họp quyết định.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn không quá 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên thảo luận thông qua các vấn đề :





- a. Báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh của Công ty;
  - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;
  - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần;
  - e. Các vấn đề thảo luận khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
  - b. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên quy định của pháp luật;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;
  - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
4. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6 Điều 97 của Luật Doanh nghiệp.
5. Người triệu tập ra Quyết định triệu tập, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
6. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được tính vào chi phí quản lý Công ty.

#### **Điều 17. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người khác dự họp phải lập thành văn bản theo mẫu ban hành của Công ty và tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Văn bản ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến cho Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định trong Điều lệ này.





3. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng đã hoàn thành thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Điều lệ này trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

4. Các quy định khác ngoài các nội dung đã nêu của điều này tuân theo Điều 101 của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 18. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Danh sách cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân đối với cá nhân hay đại diện được ủy quyền của cổ đông hay nhóm cổ đông; tên, trụ sở, số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần nắm giữ, hoặc số lượng cổ phần đại diện của cổ đông đại diện.

4. Cổ đông, đại diện ủy quyền có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 19. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm:

a. Ra quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu họp và dự thảo nghị quyết của từng vấn đề trong chương trình họp;

c. Thông báo thời gian, địa điểm họp và gửi giấy mời đến các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký thường trú của cổ đông, và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty;

d. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu liên quan của cuộc họp như chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 8 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp. Kiến nghị phải được





gửi đến bằng văn bản tới Công ty chậm nhất 03 làm việc ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải đủ các nội dung: tên cổ đông, đại diện nhóm cổ đông; số lượng cổ phần nắm giữ; các vấn đề kiến nghị cần bàn đưa vào chương trình họp.

3. Các kiến nghị trên sẽ được gửi đến Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, và được đưa vào dự kiến nội dung cuộc họp, những kiến nghị này sẽ được chính thức bổ sung vào nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận. Người triệu tập có quyền từ chối các kiến nghị này nếu xét thấy các kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kiến nghị không gửi đến đúng hạn hoặc vấn đề đó trái với quy định của Điều lệ này.

#### **Điều 20. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần phát hành tham dự.

2. Trường hợp triệu tập cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 điều này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần phát hành tham dự.

3. Trường hợp triệu tập cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp quy định tại Mục d Khoản 1 Điều 19 Điều lệ này.

5. Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có quyền tham dự.

6. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo Điều 103 của Luật Doanh nghiệp.

7. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Thể thức lấy ý kiến bằng văn bản được tiến hành theo Điều 105 Luật Doanh nghiệp.





**Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thông qua việc bổ nhiệm tạm thời thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
- d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):

- a. Liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
- c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
- d. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, quy định tại Mục c Khoản 3 Điều 104 của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

5. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông hay ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng cổ phần biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình và thể thức tiến hành họp không thực hiện theo quy định.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.





## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty. Sổ biên bản được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều 106 của Luật Doanh nghiệp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến tất cả cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày được thông qua. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.





2. Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 thành viên và thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Các quy định khác về nhiệm kỳ và thành viên Hội đồng quản trị tuân theo Điều 109 của Luật Doanh nghiệp. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

## **Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị Công ty có quyền hạn và nhiệm vụ chính sau:
  - a. Quyết định chiến lược phát triển Công ty và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị tổng số cổ phần được quyền chào bán;
  - c. Quyết định chào bán và giá chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. Quyết định phát hành trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu phát hành;
  - d. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán;
  - e. Quyết định các phương án, dự án đầu tư trong thẩm quyền của mình;
  - f. Quyết định giải pháp phát triển mở rộng thị trường, đầu tư công nghệ, đầu tư con người; Thông qua các loại hợp đồng mua bán, hợp đồng chuyển giao công nghệ, phần mềm và hợp đồng giao dịch khác có giá trị bằng hoặc hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - g. Quyết định góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác, cử người đại diện quản lý hoặc điều hành doanh nghiệp có vốn góp của Công ty;
  - h. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
  - i. Kiến nghị bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - j. Quyết định thành lập, hợp nhất, giải thể, sáp nhập các đơn vị trực thuộc Công ty; Quyết định thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện;
  - k. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Ban hành quy chế Ban Giám đốc; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
  - l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty theo quy định tại điều lệ này;
  - m. Quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông;
  - n. Công khai báo cáo quyết toán tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông;
  - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - p. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận của Công ty;
  - q. Quyết định Đơn vị kiểm toán độc lập;
  - r. Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc Công ty, các cán bộ quản lý Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh





doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Các thông tin này phải được cung cấp ngay khi được yêu cầu, thông tin chính xác và trung thực;

s. Các quyền và nghĩa vụ khác tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua các quy định trái với pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định phải chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và đền bù thiệt hại cho Công ty.

## **Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Là công dân Việt Nam, đang thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi và năng lực pháp lý.

2. Không thuộc các trường hợp không được phép quản lý điều hành doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

3. Có bằng đại học, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong ngành Xây dựng, hiểu biết luật pháp.

4. Tiêu chuẩn về vốn phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a. Là cổ đông sở hữu từ 3% tổng số cổ phần phát hành trở lên;

b. Là đại diện của một nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phát hành trở lên, trong đó cổ đông đại diện phải sở hữu từ 2% tổng số cổ phần phát hành trở lên;

c. Là người không nắm giữ cổ phần của Công ty nhưng phải là đại diện của nhóm cổ đông sở hữu từ 25% tổng số cổ phần phát hành trở lên liên tục trong vòng 6 tháng đề cử.

## **Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này và Điều 110 của Luật Doanh nghiệp;

b. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ người này bị bỏ trống;

c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức;

d. Thành viên đó có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ mất năng lực hành vi;

e. Thành viên đó bị miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.





2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm tạm thời một thành viên mới thay thế vào chỗ trống bất ngờ phát sinh đó, và thành viên này phải được chấp thuận bằng việc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm tạm thời. Nhiệm kỳ của thành viên mới được bầu là thời hạn còn lại của Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 so với số lượng được bầu đầu nhiệm kỳ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Quyền hạn và nhiệm vụ**

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Quyết định triệu tập, hình thức, chương trình, nội dung họp, chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Ban hành quy chế tổ chức và làm việc của Hội đồng quản trị và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;
- g. Ký các loại văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi đã được Hội đồng quản trị nhất trí;
- h. Ký bổ nhiệm các chức danh Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng khi được Hội đồng quản trị thông qua;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị sẽ bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.





5. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời gian 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch bị bãi miễn chức vụ.

### **Điều 29. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được triệu tập trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó.

2. Cuộc họp này sẽ do người có số phiếu bầu cao nhất trong số đại diện cho cổ đông chi phối đứng ra triệu tập.

3. Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần, hoặc họp bất thường vào bất cứ lúc nào theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị lập chương trình nghị sự, thông báo thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến.

4. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường theo đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích và các vấn đề cần bàn của:

- a. Trưởng Ban Kiểm soát hoặc 2/3 thành viên Ban Kiểm soát;
- b. Có ít nhất 2 thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
- c. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 người quản lý của Công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được các kiến nghị yêu cầu họp bằng văn bản quy định tại Khoản 3 trên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp thì người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra cho Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền dự họp, có quyền thảo luận nhưng không có quyền bỏ phiếu trong cuộc họp Hội đồng quản trị.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được coi là họp lệ khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên tham dự.



### **Điều 30. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết ngang nhau. Các nghị quyết, quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết được niêm phong và được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc và chỉ được mở ra trước sự chứng kiến của các thành viên dự họp.

3. Các thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ Biên bản họp Hội đồng quản trị bằng tiếng Việt và phải đầy đủ các nội dung theo quy định tại điểm các điểm của Khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

2. Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản Hội đồng quản trị. Biên bản họp và tài liệu sử dụng họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.

## **CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty**

1. Công ty xây dựng, tổ chức thực hiện một hệ thống quản lý của Công ty theo Điều 11 của Điều lệ này.

2. Bộ máy quản lý Công ty sẽ thực hiện nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty.

3. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm.

4. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị.





### **Điều 33. Tổng Giám đốc**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty khi được Hội đồng quản trị thông qua.

2. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quyền hạn, nhiệm vụ được giao. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc:

- a. Là thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng;
- c. Có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh;
- d. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp quy định.

### **Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Lập phương án sản xuất hạch toán kinh doanh hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

4. Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh có hiệu quả theo phương án phê duyệt của Hội đồng quản trị.

5. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

6. Đề cử các chức vụ Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng lên Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

7. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động.

8. Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty.

9. Kiến nghị phương án trả cổ tức, xử lý lãi lỗ trong kinh doanh.



10. Chịu trách trước pháp luật và Hội đồng quản trị về những nhiệm vụ quyền hạn được giao.

11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và theo phân công cụ thể của Hội đồng quản trị quy định trong Quy chế hoạt động và làm việc của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

### **Điều 35. Từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc Công ty từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây :

a. Khi Tổng Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;

b. Tổng Giám đốc bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi và có các bằng chứng chứng minh về hạn chế đó;

c. Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, bị tước quyền công dân, vi phạm Điều lệ Công ty gây hậu quả nghiêm trọng;

d. Theo biểu quyết của Hội đồng quản trị khi Tổng Giám đốc vi phạm các quy tắc Hội đồng quản trị đề ra, không hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đặt ra trong 3 năm liên tiếp theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (nếu thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc không được tham gia biểu quyết).

2. Sau khi bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ngay Tổng Giám đốc mới.

### **Điều 36. Thư ký Công ty**

1. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một Thư ký Công ty hoặc nhiều người làm đồng Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

b. Giúp việc cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực được phân công;

c. Tổng hợp, phân tích cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty;

d. Lập Biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, biên tập chương trình và tài liệu các cuộc họp và gửi cho các thành viên theo quy định của Điều lệ này;

e. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

f. Tổ chức biên tập và đưa tài liệu của các cuộc họp vào lưu trữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.





## **CHƯƠNG IX**

### **TRÁCH NHIỆM NGHĨA VỤ CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ**

#### **Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý và những người được ủy thác trách nhiệm khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình phải có các nghĩa vụ :

1. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.

2. Không được phép lợi dụng thông tin các cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác, làm tổn hại đến lợi ích của Công ty.

3. Các quy định khác theo pháp luật và quy định tại Điều lệ này và các quy chế ban hành nội bộ của Công ty.

#### **Điều 38. Trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho Công ty.

#### **Điều 39. Công khai các lợi ích liên quan và nghĩa vụ của người quản lý Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người quản lý khác của Công ty phải công khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty theo quy định tại Điều 118 của Luật Doanh nghiệp.

2. Các nghĩa vụ của người quản lý Công ty phải được thực hiện theo Điều 119 và 120 của Luật Doanh nghiệp và các quy định của Điều lệ này.

## **CHƯƠNG X**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 40. Ban kiểm soát của Công ty**

1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát gồm 3 người, trong đó có ít nhất một thành viên Ban kiểm soát có chuyên môn về kế toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên của Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.





2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát có chuyên môn về kế toán. Trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên còn lại cử một người tạm thay thế cho đến khi bổ sung đủ số thành viên sẽ tiến hành bầu Trưởng Ban kiểm soát mới.

3. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

5. Thành viên Ban kiểm soát không được là người quản lý Công ty; không phải vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty.

6. Thành viên Ban kiểm soát hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định và theo các quy định tại Điều 125 của Luật Doanh nghiệp.

7. Thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên của Ban kiểm soát theo quy định;
- b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 6 tháng liên tục;
- c. Có đơn xin từ chức;
- d. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- e. Trong nhiệm kỳ, thành viên Ban kiểm soát cũng có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

#### **Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát**

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, thực hiện các nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đưa ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị.

2. Thường xuyên thông báo cho Hội đồng quản trị về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty, dự báo cho Hội đồng quản trị về những rủi ro có thể xảy ra thông qua việc kiểm soát quản trị các thông tin của Ban kiểm soát. Kiến





nghị lên Hội đồng quản trị các biện pháp cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra và báo cáo Đại hội đồng cổ đông từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông đang sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phát hành trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.

4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị xử lý kỷ luật ở các mức với những cán bộ có biểu hiện vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Công ty, xét thấy làm thiệt hại đến lợi ích của Công ty.

7. Được quyền yêu cầu cung cấp thông tin và kịp thời về hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các cấp và các cán bộ quản lý, các cán bộ khác của Công ty.

8. Thẩm tra lại những khiếu nại do cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phát hành liên tục trong 06 tháng gửi đến bằng văn bản theo đúng thủ tục quy định tại Điều lệ này. Nếu thấy đơn khiếu nại đưa ra những chứng cứ xác thực và có bằng chứng chứng minh thì tiến hành các thủ tục giải quyết theo quy định tại Điều lệ này. Việc kiểm tra này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động điều hành của Công ty. Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra lên Hội đồng quản trị và cổ đông hay nhóm cổ đông có yêu cầu.

9. Thành viên Ban kiểm soát không được quyền tiết lộ các thông tin nắm giữ của Công ty ra ngoài khi chưa được sự cho phép và thông qua của Hội đồng quản trị.

10. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về sai phạm thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.



11. Các nghĩa vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **CHƯƠNG XI HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 42. Năm tài chính của Công ty**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

### **Điều 43. Hệ thống kế toán**

1. Công ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ một hệ thống kế toán nào được Bộ Tài chính chấp nhận, tuân thủ Luật kế toán Việt Nam.
2. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (VNĐ) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

### **Điều 44. Chế độ hạch toán kế toán và tài chính**

1. Công ty thực hiện chế độ hạch toán kế toán phù hợp với mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của mình và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về kế toán thống kê.
2. Lương, phụ cấp hội họp, thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Ban thư ký Công ty được tính vào chi phí quản lý của Công ty theo mức do Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.
3. Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty hạch toán phụ thuộc. Quan hệ tài chính giữa Công ty với các Chi nhánh, Văn phòng đại diện thực hiện theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

### **Điều 45. Cổ tức, trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận**

1. Việc trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật do Hội đồng quản trị quyết định hàng năm sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.
2. Trả cổ tức:
  - a. Cổ tức trả cho cổ phần được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và





các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;

b. Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của Công ty. Việc chi trả bằng tiền mặt được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc, hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông, hoặc thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản ngân hàng của cổ đông khi có yêu cầu bằng văn bản của cổ đông. Nếu Công ty đã thanh toán qua bưu điện hoặc chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết như yêu cầu bằng văn bản của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc thanh toán qua bưu điện hay chuyển khoản đó;

c. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành thêm thay cho cổ tức tiền mặt và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này. Những cổ phiếu bổ sung này là những cổ phiếu đã thanh toán hết tiền mua và giá trị của các cổ phiếu bổ sung dùng để chi trả cổ tức phải tương đương với cổ tức tiền mặt theo sự tính toán sát thực nhất;

d. Hội đồng quản trị căn cứ trên Sổ đăng ký cổ đông xác nhận mức cổ phần cổ đông nắm giữ và mức cổ tức tương ứng được nhận. Thông báo thời hạn trả cổ tức tại Công ty hoặc gửi đến từng cổ đông trước 15 ngày trước ngày thanh toán cho các cổ đông. Việc thông báo cho cổ đông được nhận cổ tức theo quy định tại Khoản 3 Điều 93 của Luật Doanh nghiệp;

e. Trong trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần trong khoảng thời gian giữa ngày khoá sổ danh sách cổ đông và ngày thực hiện quyền thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền liên quan.

#### **Điều 46. Tài khoản ngân hàng của Công ty**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Trong trường hợp cần thiết để mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng tại nước ngoài theo các quy định của pháp luật với sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Công ty tiến hành việc thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 47. Báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính**

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hàng năm sẽ được công khai trước Đại hội đồng cổ đông.





2. Các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, các đơn vị thành viên của Công ty phải báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính lên Công ty để tổng hợp với báo cáo tài chính Công ty.

3. Công ty nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XII**

### **CON DẤU CÔNG TY, CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU**

#### **Điều 48. Con dấu Công ty**

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Con dấu là tài sản của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phải chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty**

1. Công ty lưu giữ các tài liệu theo quy định tại Pháp lệnh lưu trữ quốc gia và các quy định của Điều lệ này.

2. Công ty lưu giữ các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này tại nơi an toàn, đảm bảo tại trụ sở chính của Công ty. Thời hạn lưu giữ tài liệu thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XIII**

### **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TRANH CHẤP, TRANH TỤNG**

#### **Điều 50. Tổ chức lại Công ty**

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tổ chức lại Công ty trong các trường hợp có biến động lớn hoặc trước những thời cơ, yêu cầu cấp bách. Trong trường hợp này, Công ty có thể được tổ chức lại dưới một trong các hình thức: chia, tách, hợp nhất với một hoặc một số doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

#### **Điều 51. Giải thể, phá sản, thanh lý**

1. Công ty bị giải thể trong những trường hợp sau:





- a. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể trước thời hạn, hoặc
  - b. Không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật, hoặc
  - c. Toà án quyết định đình chỉ hoạt động trong trường hợp Công ty vi phạm pháp luật, hoặc
  - d. Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động.
2. Trình tự và thủ tục giải thể Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
  3. Trường hợp bị toà án tuyên bố phá sản, thủ tục giải quyết phá sản đối với Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp.
  4. Việc thanh lý tài sản của Công ty trong trường hợp bị giải thể, phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa Công ty với các cổ đông trong Công ty hay giữa các cổ đông với nhau, thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ giải quyết các tranh chấp nội bộ trong phạm vi quyền hạn của mình. Trường hợp sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh mà các bên vẫn không thể tự thương lượng hoà giải và thoả thuận được với nhau, các tranh chấp, tranh tụng đó được giải quyết tại Toà án hoặc Trọng tài theo quy định của pháp luật.
2. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

#### **Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc sửa đổi bổ sung Điều lệ này được thông qua khi được đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này.
2. Trong trường hợp có các quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản quy định trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **CHƯƠNG XIV NGÀY HIỆU LỰC**



**Điều 54. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 14 Chương và 54 Điều đã được sửa đổi bổ sung và được nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2014 ngày 09 tháng 10 năm 2014

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Nguyễn Văn Công*